



**CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM
IMEXPHARM/
IMEXPHARM CORPORATION**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness**

Số/No.: 516 /IMP

CBTT Báo cáo tài chính bán niên
2026 đã soát xét/

*Disclosure of the reviewed semi-annual
Financial statements for 2026*

Đồng Tháp, ngày 14 tháng 08 năm 2026
Dong Thap, August 14, 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *State Securities Commission of Vietnam*
- Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam/ *Vietnam Exchange*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*

1. Thông tin tổ chức/ Organization Information

- Tên tổ chức : Công ty CP Dược phẩm Imexpharm
Organization name : Imexpharm Corporation
- Mã chứng khoán : IMP
Stock Code : IMP
- Địa chỉ trụ sở chính : Số 04, Đường 30/4, Phường Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
Head office address : No.04, 30/4 Street, Cao Lanh Ward, Dong Thap Province
- Điện thoại/ Telephone : (84.277) 3851 941

2. Nội dung thông tin công bố/ Content of disclosure

Công ty CP Dược phẩm Imexpharm công bố Báo cáo tài chính bán niên năm 2026 đã soát xét.

Imexpharm Corporation hereby discloses the reviewed semi-annual Financial statements for 2026.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 14 tháng 08 năm 2026 tại đường dẫn: <https://www.imexpharm.com/nha-dau-tu/cong-bo-thong-tin>
This information was disclosed on Company website on August 14, 2026, at the following link: <https://www.imexpharm.com/en-US/investors/information-disclosure>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./





IMEXPHARM
Sự cam kết ngay từ đầu

CHẤT LƯỢNG HÀNG ĐẦU - TIÊU CHUẨN CHÂU ÂU

We hereby certify that the information provided herein is true and correct, and we accept full legal responsibility for the contents of this information disclosure.

Đại diện tổ chức

Organization representative

Tổng Giám đốc – Người Đại diện pháp luật

General Director - Legal Representative



TRẦN THỊ ĐÀO





Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026



Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp

1400384433

ngày 1 tháng 8 năm 2001

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1400384433 ngày 6 tháng 5 năm 2026. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Tài chính (trước đây là “Sở Kế hoạch và Đầu tư”) Tỉnh Đồng Tháp cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Liu Daping

Chủ tịch

(từ ngày 23 tháng 6 năm 2026)

Ông Sung Min Woo

Chủ tịch

(đến ngày 23 tháng 6 năm 2026)

Bà Trần Thị Đào

Thành viên

Bà Hàn Thị Khánh Vinh

Thành viên

Ông Hoàng Đức Hùng

Thành viên

Bà Liu Ning

Thành viên

(từ ngày 23 tháng 6 năm 2026)

Ông Trương Minh Hùng

Thành viên

(đến ngày 23 tháng 6 năm 2026)

Ông Chung Suyong

Thành viên

(đến ngày 23 tháng 6 năm 2026)

Ban Tổng Giám đốc

Bà Trần Thị Đào

Tổng Giám đốc

Ông Huỳnh Văn Nhung

Phó Tổng Giám đốc

Ông Ngô Minh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Ông Lê Văn Nhã Phương

Phó Tổng Giám đốc

Bà Lê Nữ Minh Hoài

Phó Tổng Giám đốc

Ông Dương Hoàng Vũ

Kế toán trưởng

Ủy ban kiểm toán

Ông Hoàng Đức Hùng

Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán

Ông Liu Daping

Thành viên

(từ ngày 30 tháng 6 năm 2026)

Bà Liu Ning

Thành viên

(từ ngày 30 tháng 6 năm 2026)

Ông Trương Minh Hùng

Thành viên ban Kiểm toán

(đến ngày 23 tháng 6 năm 2026)

Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Người đại diện pháp luật

Bà Trần Thị Đào

Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Số 4 Đường 30/4, Phường Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 6 đến trang 56 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.



Trần Thị Đào
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đồng Tháp, ngày 12 tháng 8 năm 2026



Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Số 115 Đường Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm ("Công ty"), bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 8 năm 2026, được trình bày từ trang 6 đến trang 56.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng Dịch vụ Soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 26-01-00426-26-1



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Phạm Thị Hoàng Anh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 3434-2022-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2026

Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 160)	100		1.684.146.376.824	1.507.411.305.624
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	156.813.554.314	189.537.666.772
Tiền	111		76.627.458.423	59.193.228.415
Các khoản tương đương tiền	112		80.186.095.891	130.344.438.357
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		346.672.095.891	214.203.935.191
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(a)	346.672.095.891	214.203.935.191
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		494.394.398.466	401.788.127.569
Phải thu của khách hàng	131	10	455.734.115.840	327.745.841.927
Trả trước cho người bán	132	11	36.628.747.489	42.134.119.005
Phải thu ngắn hạn khác	135	12	9.036.136.937	36.376.165.533
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136		(7.004.601.800)	(4.467.998.896)
Hàng tồn kho	140	13	670.021.664.048	677.715.255.584
Hàng tồn kho	141		675.155.071.467	682.347.047.780
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(5.133.407.419)	(4.631.792.196)
Tài sản ngắn hạn khác	160		16.244.664.105	24.166.320.508
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	17(a)	13.755.464.844	21.303.545.305
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162	20(b)	2.489.199.261	2.862.775.203

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260 + 270)	200		1.262.520.238.443	1.275.223.179.596
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.053.774.740	964.274.740
Phải thu dài hạn khác	215		1.053.774.740	964.274.740
Tài sản cố định	220		750.658.538.976	781.042.692.828
Tài sản cố định hữu hình	221	14	678.725.616.774	707.828.094.938
Nguyên giá	222		1.506.329.406.292	1.486.777.949.530
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(827.603.789.518)	(778.949.854.592)
Tài sản cố định vô hình	227	15	71.932.922.202	73.214.597.890
Nguyên giá	228		103.753.533.920	103.753.533.920
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(31.820.611.718)	(30.538.936.030)
Tài sản dở dang dài hạn	250		42.880.935.959	37.418.154.266
Xây dựng cơ bản dở dang	252	16	42.880.935.959	37.418.154.266
Đầu tư tài chính dài hạn	260		97.088.457.700	66.958.582.700
Đầu tư vào công ty liên kết	262	9(b)	97.270.457.700	67.140.582.700
Dự phòng tổn thất đầu tư dài hạn	264	9(b)	(182.000.000)	(182.000.000)
Tài sản dài hạn khác	270		370.838.531.068	388.839.475.062
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	17(b)	370.838.531.068	388.839.475.062
TỔNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		2.946.666.615.267	2.782.634.485.220

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		605.603.930.494	476.112.306.329
Nợ ngắn hạn	310		501.923.930.494	372.432.306.329
Phải trả người bán	311	18	90.790.565.184	80.782.812.173
Người mua trả tiền trước	312	19	13.623.729.522	31.654.060.847
Phải trả cổ tức	313		92.405.377.200	-
Thuế phải nộp Nhà nước	314	20(a)	30.532.685.857	32.643.325.042
Phải trả người lao động	315		12.376.252.000	12.205.339.747
Chi phí phải trả ngắn hạn	316	21	65.689.428.612	40.873.166.533
Doanh thu chờ phân bổ	319	22	35.874.141.442	-
Phải trả ngắn hạn khác	320	23(a)	21.014.412.083	18.241.111.967
Vay ngắn hạn	321	24(a)	95.178.098.376	112.779.232.151
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	25	44.439.240.218	43.253.257.869
Nợ dài hạn	330		103.680.000.000	103.680.000.000
Phải trả dài hạn khác	338	23(b)	3.680.000.000	3.680.000.000
Vay dài hạn	339	24(b)	100.000.000.000	100.000.000.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
 ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	26	2.341.062.684.773	2.306.522.178.891
Vốn cổ phần	411	27	1.540.427.620.000	1.540.427.620.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		187.323.437.904	187.323.437.904
Vốn khác của chủ sở hữu	414		2.420.789.142	2.420.789.142
Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		(358.600.000)	(358.600.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		127.695.524.501	127.695.524.501
Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	420		483.553.913.226	449.013.407.344
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	420a		307.608.030.144	95.072.379.977
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	420b		175.945.883.082	353.941.027.367
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.946.666.615.267	2.782.634.485.220

Ngày 12 tháng 8 năm 2026

Người lập:



Nguyễn Hồng Ngọc
Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra:



Dương Hoàng Vũ
Kế toán trưởng

Người duyệt:




Trần Thị Đào
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Doanh thu bán hàng	01	29	1.295.406.515.884	1.441.551.299.615
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	186.964.961.864	214.796.994.039
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	29	1.108.441.554.020	1.226.754.305.576
Giá vốn hàng bán	11	30	646.121.168.212	738.483.800.656
Lợi nhuận gộp về bán hàng (20 = 10 - 11)	20		462.320.385.808	488.270.504.920
Doanh thu hoạt động tài chính	22	31	13.038.260.798	14.086.437.209
Chi phí tài chính	23	32	14.380.079.345	21.419.648.393
<i>Trong đó: Chi phí đi vay</i>	24		5.787.796.126	8.383.482.831
Chi phí bán hàng	25	33	170.658.721.731	195.636.795.382
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	70.747.188.821	76.649.385.217
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		219.572.656.709	208.651.113.137
Thu nhập khác	31		1.128.650.841	1.811.203.598
Chi phí khác	32		30.156.655	297.028.409
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.098.494.186	1.514.175.189
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		220.671.150.895	210.165.288.326
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	44.725.267.813	45.408.593.516
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		175.945.883.082	164.756.694.810
			Điều chỉnh lại	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37	1.018	953

Ngày 12 tháng 8 năm 2026

Người lập:

Người kiểm tra:

Người duyệt:

Nguyễn Hồng Ngọc
Kế toán tổng hợp

Dương Hoàng Vũ
Kế toán trưởng



Trần Thị Đào
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		220.671.150.895	210.165.288.326
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		51.308.455.508	52.480.324.541
Các khoản dự phòng	03		3.038.218.127	(286.090.607)
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		86.611.863	93.175.091
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(12.782.508.744)	(12.433.774.315)
Chi phí đi vay	06		5.787.796.126	8.383.482.831
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		268.109.723.775	258.402.405.867
Giảm các khoản phải thu	09		(125.147.004.733)	(93.518.724.945)
Tăng hàng tồn kho	10		7.191.976.313	39.998.454.722
Tăng các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		55.622.195.836	200.646.129.035
Tăng, (giảm) chi phí chờ phân bổ	12		25.549.024.455	(278.511.335.157)
			231.325.915.646	127.016.929.522
Chi phí đi vay đã trả	14		(5.874.516.472)	(3.218.295.073)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(48.522.508.414)	(52.480.718.194)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(47.814.017.651)	(145.787.627.525)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		129.114.873.109	(74.469.711.270)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21		(24.689.157.996)	(15.270.641.882)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		219.090.909	927.272.727
Tiền chi gửi các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	23		(342.232.620.778)	(282.330.389.041)
Tiền thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	24		214.334.900.230	142.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27		8.151.320.149	10.420.272.566
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(144.216.467.486)	(144.253.485.630)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc 30 tháng 6 năm 2026
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
 ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		104.474.785.776	554.110.194.367
Tiền trả nợ gốc vay	34		(122.075.919.551)	(235.667.936.324)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		(17.601.133.775)	318.442.258.043
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(32.702.728.152)	99.719.061.143
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		189.537.666.772	161.983.318.837
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		(21.384.306)	(8.275.946)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	8	156.813.554.314	261.694.104.034

Ngày 12 tháng 8 năm 2026

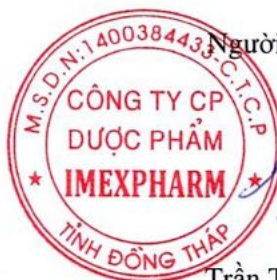
Người lập:

Người kiểm tra:

Người duyệt:


 Nguyễn Hồng Ngọc
 Kế toán tổng hợp


 Dương Hoàng Vũ
 Kế toán trưởng




 Trần Thị Đào
 Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm (“Công ty”) tiền thân là Xí nghiệp Liên hiệp Dược Đồng Tháp được thành lập theo Quyết định số 284/TCCQ ngày 28 tháng 9 năm 1983 của Sở Y tế Tỉnh Đồng Tháp, được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1400384433 lần đầu ngày 1 tháng 8 năm 2001 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 35 ngày 6 tháng 5 năm 2026 do Sở Tài chính (trước đây là “Sở Kế hoạch và Đầu tư”) Tỉnh Đồng Tháp cấp.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 15 tháng 11 năm 2006 với mã chứng khoán IMP theo Quyết định số 76/UBCK-GPNY của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất dược phẩm, chế biến dược liệu; bán buôn, xuất nhập khẩu dược phẩm, thiết bị và dụng cụ y tế, hóa chất, nguyên phụ liệu bao bì sản xuất thuốc, các chất diệt khuẩn, khử trùng cho người (trừ danh mục hàng hóa quy định tại Mục A phần II Phụ lục Số 4 ban hành kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-BTM ngày 21 tháng 5 năm 2007 của Bộ Thương mại, nay là Bộ Công thương) và kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có 25 chi nhánh và 2 công ty liên kết (1/1/2026: 23 chi nhánh và 2 công ty liên kết) như sau:

Số	Công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	Phần trăm lợi ích kinh tế và quyền biểu quyết tại ngày	
				30/6/2026	1/1/2026
1	Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm	Sản xuất và bán buôn dược phẩm	Tỉnh An Giang	28.90%	30.19%
2	Công ty TNHH Dược phẩm Gia Đại	Sản xuất và bán buôn dược phẩm	Thành phố Hồ Chí Minh	26.00%	26.00%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có 1.438 nhân viên (1/1/2026: 1.456 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

3. Áp dụng hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 99”). Thông tư 99 thay thế hướng dẫn trước đây về Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) và các thông tư sửa đổi Thông tư 200. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đã áp dụng phi hồi tố các yêu cầu có liên quan của Thông tư 99 kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, trừ trường hợp Thông tư 99 có quy định khác. Những thay đổi trọng yếu trong các chính sách kế toán của Công ty và ảnh hưởng đối với báo cáo tài chính, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh sau của báo cáo tài chính:

- Các giao dịch bằng ngoại tệ (Thuyết minh số 4(a));
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số 4(c)(i));
- Các khoản phải thu (Thuyết minh số 4(d));
- Phải trả cổ tức (Thuyết minh số 4(k));

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Ngoại trừ các chính sách được mô tả trong Thuyết minh số 3, các chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2026

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

Sau ngày 1 tháng 1 năm 2026

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tiền gửi.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Việc thay đổi chính sách kế toán này không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, phải thu về cho vay và cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá trị phân bổ trừ đi dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản chiết khấu hoặc phụ trội được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của khoản đầu tư.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, lãi phải thu từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trong khoản mục đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn trên báo cáo tài chính. Trước ngày 1 tháng 1 năm 2026, lãi phải thu được ghi nhận trong khoản mục phải thu khác (Thuyết minh 4(d)).

(ii) Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng tổn thất đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng tổn thất đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập đối với các khoản phải thu quá hạn hoặc được đánh giá là có khả năng không thu hồi được.

Dự phòng cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác quá hạn thanh toán được tính toán dựa trên phân tích tuổi nợ và mức trích lập dự phòng cụ thể như sau:

Tỷ lệ dự phòng

Quá hạn từ 6 tháng – 1 năm	30%
Quá hạn từ 1 – 2 năm	50%
Quá hạn từ 2 – 3 năm	70%
Quá hạn trên 3 năm	100%

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác không quá hạn nhưng được đánh giá là không có khả năng thu hồi dựa trên các bằng chứng sẵn có tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán được trích lập dự phòng theo từng trường hợp cụ thể.

Như được trình bày tại Thuyết minh 4(c), trước ngày 1 tháng 1 năm 2026, lãi phải thu từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận và trình bày trong khoản mục phải thu khác.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với sản phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung được phân bổ phù hợp theo mức công suất bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 40 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
▪ phương tiện vận tải	5 – 10 năm
▪ thiết bị quản lý	3 – 8 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất không thời hạn được thể hiện theo nguyên giá. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn sử dụng từ 42 đến 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

(iii) Tài sản khác

Nguyên giá của tài sản vô hình khác bao gồm giá mua của phí chuyển giao công nghệ và phí tư vấn quản trị nhân sự được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của tài sản cố định vô hình khác được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí chờ phân bổ dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Chi phí này được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê là 50 năm.

(ii) Chi phí kiểm định chất lượng

Chi phí kiểm định chất lượng bao gồm các chi phí liên quan để đạt được chứng nhận EU-GMP cho các dây chuyền sản xuất kháng sinh công nghệ cao và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận EU-GMP là 3 năm.

(iii) Giấy phép lưu hành sản phẩm

Giấy phép lưu hành sản phẩm cho một số sản phẩm thuốc kháng sinh chịu sự quản lý của Bộ Y tế, nhằm đảm bảo thuốc được lưu hành tuân thủ các quy định của pháp luật và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn giấy phép từ 3 đến 5 năm.

(iv) Nội thất văn phòng

Nội thất văn phòng bao gồm chi phí cải tạo, sửa chữa và các chi phí khác liên quan nhằm nâng cao và cải thiện môi trường làm việc của nhân viên. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

(v) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(vi) Quyền sử dụng nhãn hiệu

Quyền sử dụng nhãn hiệu cho sản phẩm thuốc bao gồm Ospexin và Ospamox được chuyển giao từ Sandoz AG và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng là 5 năm.

(vii) Chi phí nâng cấp hệ thống SAP

Chi phí nâng cấp hệ thống SAP bao gồm các khoản chi liên quan đến việc triển khai, cấu hình hệ thống, chuyển đổi dữ liệu và đào tạo người sử dụng nhằm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng là 3 năm.

(viii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí thẩm định và các chi phí khác phát sinh nhằm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 5 năm.

(j) Các khoản phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, phải trả cổ tức được ghi nhận trong khoản mục phải trả cổ tức trên báo cáo tình hình tài chính (Thuyết minh 4(k)). Trước ngày 1 tháng 1 năm 2026, phải trả cổ tức được ghi nhận trong khoản mục phải trả khác.

(k) Phải trả cổ tức

Các khoản phải trả cổ tức được ghi nhận tại thời điểm Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua việc phân phối cổ tức cho cổ đông.

Như được trình bày tại Thuyết minh 4(j), kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, phải trả cổ tức được ghi nhận trong khoản mục phải trả cổ tức trên báo cáo tình hình tài chính.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả cho nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp báo cáo tình hình tài chính cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế của kỳ kế toán trước đó vào mỗi kỳ kế toán theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được dành riêng để chi trả tiền thưởng và các phúc lợi khác cho nhân viên Công ty.

(o) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2021

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2021

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỉ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 do các thay đổi trong các quy định pháp luật áp dụng đối với việc mua lại cổ phiếu.

(p) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích từ lợi nhuận sau thuế của kỳ kế toán trước đó vào mỗi kỳ kế toán theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được trích lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(r) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ với sản phẩm, hàng hóa được tiêu thụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ phát sinh. Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa được tiêu thụ trong kỳ, phát sinh sau ngày của báo cáo tình hình tài chính nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ mà sản phẩm, hàng hóa được tiêu thụ.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Tuy nhiên, thu nhập từ tiền lãi không được ghi nhận đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn đã được trích lập dự phòng tổn thất do không có khả năng thu hồi.

(s) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(t) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(u) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty sau khi trừ đi các khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi của kỳ báo cáo chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Công ty không có cổ phiếu có tác động suy giảm giá trị tiềm năng.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)*

(v) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(w) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ trước.

5. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh dược phẩm; chế biến dược liệu; bán buôn, xuất khẩu dược phẩm, thiết bị và dụng cụ y tế, hóa chất, nguyên phụ liệu bao bì sản xuất thuốc, và nguyên liệu, hóa chất cho sản xuất thực phẩm chức năng, thực phẩm dinh dưỡng. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng lĩnh vực hoạt động này thường không bị ảnh hưởng đáng kể bởi tính thời vụ.

6. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với ước tính kế toán này.

Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán so với các ước tính kế toán thực hiện trong khi lập báo cáo tài chính năm gần nhất và báo cáo tài chính giữa niên độ cùng kỳ năm trước.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

7. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất dược phẩm, chế biến dược liệu; bán buôn, xuất nhập khẩu dược phẩm, thiết bị và dụng cụ y tế, hóa chất, nguyên phụ liệu bao bì sản xuất thuốc, các chất diệt khuẩn, khử trùng cho người (trừ danh mục hàng hóa quy định tại Mục A phần II Phụ lục Số 4 ban hành kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-BTM ngày 21 tháng 5 năm 2007 của Bộ Thương mại, nay là Bộ Công thương). Trong kỳ, hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu, theo đó thông tin tài chính trình bày trên báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 1 tháng 1 năm 2026 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 30 tháng 6 năm 2025 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Công ty chủ yếu hoạt động trong khu vực địa lý là Việt Nam. Trong kỳ, doanh thu trong nước chiếm tỷ trọng chủ yếu, trong khi đó doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu (không phát sinh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025). Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
Tiền mặt	746.596.320	727.044.245
Tiền gửi ngân hàng (*)	75.880.862.103	58.466.164.060
Tiền đang chuyển	-	20.110
Các khoản tương đương tiền (**)	80.186.095.891	130.344.438.357
	156.813.554.314	189.537.666.772

Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)*

(*) Chi tiết số dư tiền gửi không kỳ hạn tại các ngân hàng lớn như sau:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Tên ngân hàng		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp	25.008.880.269	20.915.370.759
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đồng Tháp	21.830.197.328	13.897.795.962
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Đồng Tháp	15.549.402.780	11.375.586.321
Các ngân hàng khác	13.492.381.726	12.277.411.018
	75.880.862.103	58.466.164.060

(**) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng và các công ty tài chính có thời gian đáo hạn dưới ba tháng kể từ ngày giao dịch và hưởng lãi suất 4,75% một năm (1/1/2026: 4,3% đến 4,75% một năm).

Chi tiết các khoản tương đương tiền như sau:

	30/6/2026 Kỳ hạn VND	1/1/2026 Kỳ hạn VND (Phân loại lại)
Tiền gửi có kỳ hạn tại:		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp	1 tháng 60.128.835.617	1 tháng 40.021.698.630
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đồng Tháp	1 tháng 20.057.260.274	1 tháng 20.023.424.658
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Đồng Tháp	-	1 tháng 40.088.493.151
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp	-	2 tháng 30.210.821.918
	80.186.095.891	130.344.438.357

Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

9. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Giá gốc VND	30/6/2026 Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND (Phân loại lại)	1/1/2026 Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng						
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình - Chi nhánh Đồng Tháp	70.900.767.123	70.900.767.123	-	60.416.876.713	60.416.876.713	-
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp	81.745.534.247	81.745.534.247	-	20.548.164.384	20.548.164.384	-
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp	20.767.835.616	20.767.835.616	-	40.421.260.274	40.421.260.274	-
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đồng Tháp	70.693.424.658	70.693.424.658	-	30.117.123.288	30.117.123.288	-
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Đồng Tháp	51.635.945.206	51.635.945.206	-	-	-	-
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp	30.470.506.849	30.470.506.849	-	30.384.904.110	30.384.904.110	-
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	20.458.082.192	20.458.082.192	-	-	-	-
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Đồng Tháp	-	-	-	2.221.907.792	2.221.907.792	-
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á - Chi nhánh Đồng Tháp	-	-	-	30.093.698.630	30.093.698.630	-
	346.672.095.891	346.672.095.891	-	214.203.935.191	214.203.935.191	-

Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)*

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng và các công ty tài chính có thời gian đáo hạn trên ba tháng kể từ ngày giao dịch và thời gian đáo hạn còn lại dưới một năm từ ngày cuối kỳ lập báo cáo và hưởng lãi suất năm dao động từ 5,4% đến 8,9% một năm (1/1/2026: 4,1% đến 7,6% một năm).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có giá trị ghi sổ là 15.000 triệu VND được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 24).

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

		30/6/2026			1/1/2026			
	Số cổ phiếu	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Số cổ phiếu	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty liên kết								
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm (*)	10.348.611	97.088.457.700	351.852.774.000	-	8.034.637	66.958.582.700	293.264.250.500	-
▪ Công ty TNHH Dược phẩm Gia Đại	-	182.000.000	(**)	(182.000.000)	-	182.000.000	(**)	(182.000.000)
		<u>97.270.457.700</u>	<u>351.852.774.000</u>	<u>(182.000.000)</u>		<u>67.140.582.700</u>	<u>293.264.250.500</u>	<u>(182.000.000)</u>

Công ty TNHH Dược phẩm Gia Đại đã ngưng hoạt động từ năm 2015. Công ty liên kết còn lại đang hoạt động bình thường.



Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)*

- (*) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được xác định bằng cách tham chiếu giá niêm yết tương ứng của cổ phiếu trên thị trường chứng khoán như sau:

	Số cổ phiếu	30/6/2026 Giá niêm yết VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty liên kết			
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm	10.348.611	34.000	351.852.774.000
	Số cổ phiếu	1/1/2026 Giá niêm yết VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty liên kết			
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm	8.034.637	36.500	293.264.250.500

Trong kỳ, Công ty cũng đã nhận thêm 1.108.779 cổ phiếu cổ tức từ khoản đầu tư vào công ty liên kết này.

- (**) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

10. Phải thu của khách hàng**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Công ty TNHH Khoa học Dinh dưỡng Orgalife	64.732.691.911	43.182.142.977
Công ty TNHH Xúc tiến Thương mại Dược phẩm và Đầu Tư TV	24.056.523.270	23.042.983.822
Công ty Cổ phần Thương mại Newzilan	23.854.245.653	13.828.005.569
Các khách hàng khác	343.090.655.006	247.692.709.559
	455.734.115.840	327.745.841.927

Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm	3.852.697.837	3.031.598.285
Bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1		
- Chi nhánh TPHCM	3.533.068.244	-

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả từ 30 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

11. Trả trước cho người bán

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Công ty TNHH Kiến Việt	7.870.397.228	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ Mới	6.662.400.372	6.662.400.372
Công ty TNHH Vàng bạc Đá quý Kim Long Đồng Tháp	-	20.476.400.000
Các nhà cung cấp khác	22.095.949.889	14.995.318.633
	36.628.747.489	42.134.119.005

12. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
Tạm ứng cho nhân viên	5.380.251.506	4.656.590.089
Mua cổ phần (*)	-	30.129.875.000
Phải thu khác	3.655.885.431	1.589.700.444
	9.036.136.937	36.376.165.533

(*) Tại ngày 1 tháng 1 năm 2026, khoản mục này phản ánh khoản tiền đăng ký mua 1.205.195 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm, với giá mua 25.000 VND/cổ phiếu. Giao dịch đã được hoàn tất trong kỳ.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

13. Hàng tồn kho

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	23.685.193.267	-	17.443.517.888	-
Nguyên vật liệu	361.279.627.151	(1.074.391.366)	343.026.079.177	(3.982.496.271)
Công cụ và dụng cụ	9.916.133.037	-	8.203.441.831	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	48.211.221.251	-	48.653.332.296	-
Thành phẩm	220.797.466.747	(4.059.016.053)	258.086.876.763	(649.295.925)
Hàng hóa	11.265.430.014	-	6.933.799.825	-
	675.155.071.467	(5.133.407.419)	682.347.047.780	(4.631.792.196)

Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Số dư đầu kỳ	4.631.792.196	3.254.727.830
Dự phòng trích lập trong kỳ	501.615.223	180.895.515
Số dư cuối kỳ	5.133.407.419	3.435.623.345

Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)*

14. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	385.312.136.033	954.733.076.013	101.052.589.336	45.680.148.148	1.486.777.949.530
Tăng trong kỳ	-	1.445.990.000	-	649.790.148	2.095.780.148
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 16)	249.589.370	13.477.973.900	3.420.873.395	1.680.084.843	18.828.521.508
Thanh lý	-	-	(1.372.844.894)	-	(1.372.844.894)
Số dư cuối kỳ	385.561.725.403	969.657.039.913	103.100.617.837	48.010.023.139	1.506.329.406.292
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	173.757.134.869	483.951.276.883	80.904.918.666	40.336.524.174	778.949.854.592
Khấu hao trong kỳ	6.344.023.929	39.820.330.812	2.480.862.607	1.381.562.472	50.026.779.820
Thanh lý	-	-	(1.372.844.894)	-	(1.372.844.894)
Số dư cuối kỳ	180.101.158.798	523.771.607.695	82.012.936.379	41.718.086.646	827.603.789.518
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	211.555.001.164	470.781.799.130	20.147.670.670	5.343.623.974	707.828.094.938
Số dư cuối kỳ	205.460.566.605	445.885.432.218	21.087.681.458	6.291.936.493	678.725.616.774

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 380.249 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (1/1/2026: 360.776 triệu VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)*

15. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ/cuối kỳ	80.217.869.328	20.149.844.592	3.385.820.000	103.753.533.920
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	9.546.546.825	18.578.449.205	2.413.940.000	30.538.936.030
Khấu hao trong kỳ	293.501.193	772.201.162	215.973.333	1.281.675.688
Số dư cuối kỳ	9.840.048.018	19.350.650.367	2.629.913.333	31.820.611.718
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	70.671.322.503	1.571.395.387	971.880.000	73.214.597.890
Số dư cuối kỳ	70.377.821.310	799.194.225	755.906.667	71.932.922.202

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 19.631 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (1/1/2026: 17.275 triệu VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, quyền sử dụng đất có giá trị ghi sổ là 19.295 triệu VND được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 24).

Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

16. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	37.418.154.266	43.897.009.754
Tăng trong kỳ	44.105.054.442	307.132.110.838
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 14)	(18.828.521.508)	(7.188.961.101)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(352.944.000)
Chuyển sang chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	(4.862.091.676)	(17.805.922.457)
Chuyển sang chi phí chờ phân bổ dài hạn (Thuyết minh 17(b))	(14.951.659.565)	(297.616.758.445)
Số dư cuối kỳ	42.880.935.959	28.064.534.589

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Chi phí tư vấn dự án (*)	9.404.083.974	9.404.083.974
Dự án tái xét duyệt EU-GMP	19.076.229.350	12.023.042.738
Giấy phép lưu hành sản phẩm	6.454.436.848	4.787.682.960
Máy móc	-	6.846.700.000
Các công trình khác	7.946.185.787	4.356.644.594
	42.880.935.959	37.418.154.266

(*) Chi phí tư vấn cho dự án xây dựng nhà máy IMP5 mới tại khu Công nghiệp Quảng Khánh, Đồng Tháp. Nhà máy được dự kiến hoàn thành và đi vào hoạt động năm 2028 - 2030.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)*

17. Chi phí chờ phân bổ

(a) Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Chi phí duy trì giấy phép MA và chứng chỉ EU-GMP	5.183.266.667	8.391.466.667
Chi phí bản quyền phần mềm	1.841.311.504	5.638.608.847
Chi phí đồng phục	1.568.779.412	3.733.442.673
Chi phí sửa chữa, bảo trì	1.658.390.688	1.183.567.603
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	289.856.637	202.880.790
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác	3.213.859.936	2.153.578.725
	13.755.464.844	21.303.545.305

Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(b) Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Chi phí kiểm định chất lượng VND	Giấy phép lưu hành sản phẩm VND	Nội thất văn phòng VND	Công cụ và dụng cụ VND	Quyền sử dụng nhãn hiệu VND	Chi phí nâng cấp hệ thống SAP VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	280.171.753.077	10.771.051.445	26.671.524.375	21.010.085.235	14.262.561.512	16.605.555.556	12.747.847.778	6.599.096.084	388.839.475.062
Tăng trong kỳ	-	-	-	851.239.161	558.194.541	-	-	2.088.250.000	3.497.683.702
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 16)	-	-	-	10.265.243.582	2.884.865.983	-	-	1.801.550.000	14.951.659.565
Phân bổ trong kỳ	(2.962.829.079)	(6.170.427.499)	(7.234.512.846)	(7.448.420.651)	(5.248.574.642)	(1.992.666.667)	(2.731.681.667)	(2.661.174.210)	(36.450.287.261)
Số dư cuối kỳ	277.208.923.998	4.600.623.946	19.437.011.529	24.678.147.327	12.457.047.394	14.612.888.889	10.016.166.111	7.827.721.874	370.838.531.068

Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

18. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	30/6/2026 Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND	1/1/2026 Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND
Centrient Pharmaceuticals India	11.719.144.800	20.272.177.173
Công ty TNHH Kyongbo Pharmaceutical	5.584.970.400	4.158.157.500
Các nhà cung cấp khác	73.486.449.984	56.352.477.500
	90.790.565.184	80.782.812.173

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
<i>Công ty liên kết</i>		
Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm	2.462.648.460	-

Khoản phải trả thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả trong vòng 7 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

19. Người mua trả tiền trước

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Công ty TNHH Dược phẩm Trí Hùng	4.716.321.000	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Mộc Tinh	4.263.512.809	2.009.292.699
Công ty Cổ Phần Dược Phẩm FPT Long Châu	-	11.717.785.797
Các khách hàng khác	4.643.895.713	17.926.982.351
	13.623.729.522	31.654.060.847

Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)*

20. Thuế

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2026 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số cân trừ trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2026 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.422.338.896	133.299.431.194	(95.951.214.968)	(34.345.345.325)	5.425.209.797
Thuế xuất, nhập khẩu	-	2.113.574.578	-	(2.113.574.578)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	27.726.848.036	44.725.267.813	-	(48.522.508.414)	23.929.607.435
Thuế thu nhập cá nhân	2.387.313.058	16.093.949.967	-	(17.336.881.464)	1.144.381.561
Các loại thuế khác	106.825.052	1.206.826.283	-	(1.280.164.271)	33.487.064
	32.643.325.042	197.439.049.835	(95.951.214.968)	(103.598.474.052)	30.532.685.857

(b) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

	1/1/2026 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số cần trừ trong kỳ VND	30/6/2026 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	2.862.775.203	95.577.639.026	(95.951.214.968)	2.489.199.261

Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

21. Chi phí phải trả

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi	64.669.862.835	38.081.630.532
Chi phí duy trì và phát triển thị trường	944.761.312	2.630.011.190
Chi phí đi vay	74.804.465	161.524.811
	65.689.428.612	40.873.166.533

22. Doanh thu chờ phân bổ

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện giá trị của hàng hóa và dịch vụ khuyến mãi có điều kiện từ các chương trình khuyến mãi đang diễn ra trong kỳ, nhưng chưa được hoàn tất và thanh toán cho khách hàng.

23. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	12.725.823.000	13.929.008.000
Thù lao và thưởng cho Hội đồng Quản trị	5.861.630.801	2.836.852.912
Kinh phí công đoàn	1.999.415.714	1.085.826.830
Các khoản phải trả khác	427.542.568	389.424.225
	21.014.412.083	18.241.111.967

(a) Phải trả dài hạn khác

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	3.680.000.000	3.680.000.000

Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

24. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2026		Biến động trong kỳ		30/6/2026	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngân Hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp (i)	83.274.982.991	83.274.982.991	66.345.770.536	(83.274.982.991)	66.345.770.536	66.345.770.536
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp (ii)	29.504.249.160	29.504.249.160	38.129.015.240	(38.800.936.560)	28.832.327.840	28.832.327.840
	112.779.232.151	112.779.232.151	104.474.785.776	(122.075.919.551)	95.178.098.376	95.178.098.376



Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất		30/6/2026	1/1/2026
		30/6/2026	1/1/2026	VND	VND
Ngân Hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp (i)	VND	6,2% - 6,7%	4,3% - 4,8%	66.345.770.536	83.274.982.991
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp (ii)	VND	6,3% - 7,8%	4,3%	28.832.327.840	29.504.249.160
				95.178.098.376	112.779.232.151

Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

Số dư thể hiện khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng tín dụng của Ngân Hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với hạn mức tối đa lần lượt là 200.000.000.000 VND và 60.000.000.000 VND. Đây là các khoản vay với lãi suất được xác định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể, có thời hạn hoàn trả cho mỗi lần giải ngân không quá 6 tháng kể từ ngày giải ngân nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động.

- (i) Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng tiền gửi có kỳ hạn với giá trị ghi sổ là 5.000 triệu VND (Thuyết minh 9).
- (ii) Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng tiền gửi có kỳ hạn với giá trị ghi sổ là 10.000 triệu VND (Thuyết minh 9).

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Ngân Hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp	VND	6,3%	2030	100.000.000.000	100.000.000.000

Khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp số 06/2025/VCB.ĐT-CRC ngày 26 tháng 3 năm 2025, với giá trị ghi sổ là 19.295 triệu VND (Thuyết minh 15).

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Số dư đầu kỳ	43.253.257.869	40.471.993.289
Số trích lập trong kỳ (Thuyết minh 26)	49.000.000.000	148.730.532.105
Số sử dụng trong kỳ	(47.814.017.651)	(145.787.627.525)
Số dư cuối kỳ	44.439.240.218	43.414.897.869

Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

26. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Cổ phiếu mua lại của chính mình VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	1.540.427.620.000	187.323.437.904	2.420.789.142	(358.600.000)	132.498.528.472	320.807.393.082	2.183.119.168.600
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	164.756.694.810	164.756.694.810
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	(77.004.481.000)	(77.004.481.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(148.730.532.105)	(148.730.532.105)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	1.540.427.620.000	187.323.437.904	2.420.789.142	(358.600.000)	132.498.528.472	259.829.074.787	2.122.140.850.305
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	184.381.328.586	184.381.328.586
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	(4.803.003.971)	4.803.003.971	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	1.540.427.620.000	187.323.437.904	2.420.789.142	(358.600.000)	127.695.524.501	449.013.407.344	2.306.522.178.891

Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Cổ phiếu mua lại của chính mình VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2026	1.540.427.620.000	187.323.437.904	2.420.789.142	(358.600.000)	127.695.524.501	449.013.407.344	2.306.522.178.891
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	175.945.883.082	175.945.883.082
Chia cổ tức bằng tiền (i)	-	-	-	-	-	(92.405.377.200)	(92.405.377.200)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (ii) (Thuyết minh 25)	-	-	-	-	-	(49.000.000.000)	(49.000.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2026	1.540.427.620.000	187.323.437.904	2.420.789.142	(358.600.000)	127.695.524.501	483.553.913.226	2.341.062.684.773



Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)*

Theo nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ-IMP ngày 22 tháng 4 năm 2026 của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty, các cổ đông của Công ty đã phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận sau thuế của năm 2025 như sau:

VND

Chia cổ tức bằng tiền (i)	92.405.377.200
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (ii)	49.000.000.000

-
- (i) Chia cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 6% mệnh giá của số lượng cổ phiếu đang lưu hành. Theo Điều 1, Nghị quyết số 17/NQ-HĐQT-IMP ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng Quản trị của Công ty, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua ngày đăng ký cuối cùng là ngày 14 tháng 7 năm 2026 và ngày trả cổ tức bằng tiền là ngày 21 tháng 7 năm 2026. Tại ngày phê duyệt báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty đã hoàn tất việc chi trả cổ tức cho các cổ đông.
- (ii) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo tỷ lệ 10,91% lợi nhuận sau thuế chưa phân phối với số tiền là 49.000.000.000 VND.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)***27. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2026		1/1/2026	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	154.042.762	1.540.427.620.000	154.042.762	1.540.427.620.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	154.042.762	1.540.427.620.000	154.042.762	1.540.427.620.000
Số cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	33.800	338.000.000	33.800	338.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	154.008.962	1.540.089.620.000	154.008.962	1.540.089.620.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Các cổ đông của Công ty như sau:

	30/6/2026		1/1/2026	
	Số cổ phiếu	%	Số cổ phiếu	%
Lian SGP Holding Pte. Ltd.	104.545.781	67,87%	-	-
Tổng Công ty Dược Việt Nam	33.948.992	22,04%	33.948.992	22,04%
SK Investment Vina III Pte. Ltd.	4.647.051	3,02%	73.457.880	47,69%
Công ty Cổ phần Đầu tư Bình Minh Kim	-	0,00%	15.026.784	9,75%
Công ty Cổ phần Đầu tư KBA	-	0,00%	11.355.326	7,37%
Các cổ đông khác	10.900.938	7,08%	20.253.780	13,15%
	154.042.762	100%	154.042.762	100%

Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)***28. Các khoản mục ngoài báo cáo tình hình tài chính****(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Trong vòng một năm	3.988.621.760	3.634.695.440
Trong vòng hai đến năm	6.896.774.000	7.012.780.320
Hơn năm năm	236.280.000	-
	<u>11.121.675.760</u>	<u>10.647.475.760</u>

Các tài sản thuê hoạt động bao gồm:

	Số lượng	Thời hạn thuê	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Thuê văn phòng	1	5 năm	8.841.415.760	10.647.475.760
Thuê nhà	1	10 năm	2.208.860.000	-
Thuê máy photocopy	1	1 năm	71.400.000	-

(b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2026		1/1/2026	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	47.480,98	1.239.104.027	25.524,41	665.378.867
EUR	8.032,19	237.375.311	17.488,19	531.658.464
		<u>1.476.479.338</u>		<u>1.197.037.331</u>

Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)***(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt cho dự án Tổ hợp Nhà máy Dược phẩm Cát Khánh nhưng chưa được phản ánh trong báo cáo tình hình tài chính:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	1.210.736.558.640	1.210.736.558.640

29. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu hàng sản xuất	1.290.501.870.070	1.430.131.163.704
▪ Doanh thu hàng hóa khác	4.904.645.814	11.420.135.911
	1.295.406.515.884	1.441.551.299.615
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	186.572.767.581	214.358.721.435
▪ Hàng bán bị trả lại	392.194.283	438.272.604
	186.964.961.864	214.796.994.039
Doanh thu thuần về bán hàng	1.108.441.554.020	1.226.754.305.576

Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)***30. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Giá vốn hàng sản xuất	585.890.908.002	654.293.087.077
Giá vốn hàng khuyến mãi	56.111.422.702	74.638.052.415
Giá vốn hàng hóa khác	4.016.140.961	9.371.765.649
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	102.696.547	180.895.515
	646.121.168.212	738.483.800.656

31. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Lãi tiền gửi	12.563.417.835	8.877.918.776
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	474.842.963	1.556.410.433
Cổ tức	-	3.652.108.000
	13.038.260.798	14.086.437.209

32. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chiết khấu thanh toán	8.368.405.002	11.914.277.439
Chi phí đi vay	5.787.796.126	8.383.482.831
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	137.266.354	1.028.713.032
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	86.611.863	93.175.091
	14.380.079.345	21.419.648.393

Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

33. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí nhân viên	77.872.604.206	82.815.234.971
Chi phí nguyên vật liệu	18.700.749.922	19.866.015.198
Chi phí công tác và hội nghị	23.608.371.317	15.531.063.901
Chi phí tiếp thị, duy trì và phát triển thị trường	13.534.585.213	34.133.556.380
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.717.757.728	21.349.665.231
Chi phí khấu hao và phân bổ	2.655.395.751	2.604.299.173
Chi phí sửa chữa	2.323.573.720	1.807.955.101
Chi phí bán hàng khác	16.245.683.874	17.529.005.427
	170.658.721.731	195.636.795.382

34. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí nhân viên	23.343.421.284	26.224.126.627
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.325.104.738	7.148.945.099
Thù lao cho HĐQT và Ủy ban kiểm toán	4.448.985.059	4.289.087.517
Chi phí khấu hao và phân bổ	2.138.402.639	1.918.226.593
Chi phí công tác, hội nghị	1.479.046.022	1.794.960.738
Dự phòng phải thu khó đòi	2.536.602.904	(147.087.766)
Chi phí quản lý khác	27.475.626.175	35.421.126.409
	70.747.188.821	76.649.385.217

Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	435.984.105.826	531.882.026.327
Chi phí nhân công và nhân viên	184.762.708.586	191.937.992.706
Chi phí dịch vụ mua ngoài	89.120.369.239	111.197.419.224
Chi phí khấu hao và phân bổ	51.308.455.508	52.480.324.541
Chi phí sản xuất và kinh doanh khác	126.351.439.605	123.272.218.457
	887.527.078.764	1.010.769.981.255

36. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	44.725.267.813	45.305.870.958
Dự phòng thiếu trong các kỳ trước	-	102.722.558
	44.725.267.813	45.408.593.516

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	220.671.150.895	210.165.288.326
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	44.134.230.179	42.033.057.665
Thu nhập không chịu thuế	-	(730.421.600)
Chi phí không được khấu trừ thuế	591.037.634	4.003.234.893
Dự phòng thiếu trong các kỳ trước	-	102.722.558
	44.725.267.813	45.408.593.516

Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)***(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản Luật thuế thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

37. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 30 tháng 6 năm 2025 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông trong kỳ sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho các kỳ kế toán báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong kỳ, chi tiết như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
		Điều chỉnh lại
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	175.945.883.082	164.756.694.810
Trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (i) (VND)	(19.195.695.844)	(17.974.955.404)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	156.750.187.238	146.781.739.406
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền (ii)	154.008.962	154.008.962
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND) (iii)	1.018	953

- (i) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 được điều chỉnh lại để phản ánh lợi nhuận phân phối thực tế (10,91% lợi nhuận thuần trong kỳ) đã được thông qua trong Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 22 tháng 4 năm 2026. Do đó, số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 được ước tính có cùng tỷ lệ là 10,91% lợi nhuận thuần trong kỳ.

- (ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	Số cổ phiếu	Số cổ phiếu
		Điều chỉnh lại
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	154.008.962	154.008.962

Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của việc phân bổ lại quỹ khen thưởng, phúc lợi theo thực tế được trình bày ở trên và được tính lại như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025		
	VND	VND	VND
	Số liệu báo cáo trước đây	Được điều chỉnh lại	Số liệu trình bày lại
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	164.756.694.810	-	164.756.694.810
Trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(23.065.937.273)	(5.090.981.869)	(17.974.955.404)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	141.690.757.537	5.090.981.869	146.781.739.406
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	154.008.962	-	154.008.962
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	920	33	953

38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm		
Mua hàng hóa	10.613.863.122	12.544.154.982
Bán hàng hóa	4.806.213.197	10.412.468.510
Nhận cổ tức	-	3.652.108.000
Bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1		
Bán hàng hóa	8.786.043.500	4.353.570.000
Hội đồng quản trị		
Bà Trần Thị Đào - Thành viên		
Thù lao và tiền thưởng sau thuế	228.000.000	4.148.000.000

Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Ông Trương Minh Hùng - Thành viên (đến ngày 30 tháng 6 năm 2026) Thù lao và tiền thưởng sau thuế	162.000.000	3.582.000.000
Bà Hàn Thị Khánh Vinh - Thành viên Thù lao và tiền thưởng sau thuế	162.000.000	2.367.000.000
Ông Hoàng Đức Hùng - Thành viên Thù lao và tiền thưởng sau thuế	328.191.973	572.537.250
Ông Chung Suyong - Thành viên (đến ngày 30 tháng 6 năm 2026) Thù lao và tiền thưởng sau thuế	157.844.600	316.624.400
Bà Nguyễn Thị Kim Lê - Thư ký Hội đồng Quản trị Thù lao và tiền thưởng sau thuế	90.000.000	685.000.000
Ban Tổng Giám đốc Bà Trần Thị Đào - Tổng Giám đốc Thu nhập sau thuế	2.491.295.000	1.335.932.000
Ông Nguyễn An Duy - Phó Tổng Giám Đốc (đến ngày 31 tháng 7 năm 2025) Thu nhập sau thuế	-	2.016.468.000
Ông Lê Văn Nhã Phương - Phó Tổng Giám Đốc Thu nhập sau thuế	1.582.963.650	1.447.540.000
Ông Ngô Minh Tuấn - Phó Tổng Giám Đốc Thu nhập sau thuế	1.328.187.400	1.245.738.000
Ông Huỳnh Văn Nhung - Phó Tổng Giám Đốc Thu nhập sau thuế	1.263.817.400	1.215.738.000
Bà Lê Nữ Minh Hoài - Phó Tổng Giám Đốc Thu nhập sau thuế	1.359.240.000	1.145.000.000
Ông Dương Hoàng Vũ - Kế toán trưởng Thu nhập sau thuế	658.730.916	533.737.281

Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

39. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư

	Giá trị giao dịch Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 30/6/2025 VND VND	
Nguyên giá tài sản cố định đã mua nhưng chưa thanh toán	1.181.663.260	264.756.096

40. Thông tin so sánh

Như đã trình bày tại Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, Công ty đã áp dụng Thông tư 99 và thay đổi và áp dụng phi hồi tố chính sách kế toán. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, một số thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2026 đã được phân loại lại cho phù hợp với các quy định của Thông tư 99 liên quan đến việc trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Báo cáo tình hình tài chính

	Code	1/1/2026 VND (phân loại lại)	1/1/2026 VND (theo báo cáo trước đây)
Các khoản tương đương tiền	112	130.344.438.357	130.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	123	214.203.935.191	212.102.279.452
Phải thu ngắn hạn khác	136	-	38.822.259.629
Phải thu ngắn hạn khác	135	36.376.165.533	-
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	-	21.303.545.305
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	21.303.545.305	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	-	(182.000.000)
Dự phòng tổn thất đầu tư dài hạn	264	(182.000.000)	-
Chi phí trả trước dài hạn	261	-	388.839.475.062
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	388.839.475.062	-

Trừ các trường hợp được thuyết minh khác, thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2026 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và thông tin so sánh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

Ngày 12 tháng 8 năm 2026

Người lập:



Nguyễn Hồng Ngọc
Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra:



Dương Hoàng Vũ
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Thị Đào
Tổng Giám đốc

